

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1049/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị S, sinh năm 1979 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 đường 704, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Ông Lê Văn N, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường Sa Nhỏ, Tổ 02, ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 09/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Bà và ông Lê Văn N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2018, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 24/12/2018. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau thì bà và ông N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, ông N ham chơi cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, bà và ông N

không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Bà Lê Thị S xác định không có.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị S xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thị S xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), chứng minh nhân dân, hộ khẩu (bản sao + bản phô tô), đơn xác nhận nơi cư trú.

** Tại biên bản hòa giải và bản tự khai ngày 05/3/2021 bị đơn ông Lê Văn N trình bày:*

Về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn đúng như bà Lê Thị S trình bày. Ông tuy có chơi cờ bạc nhưng chỉ nợ số tiền nhỏ, hàng ngày đi làm ông vẫn đưa tiền cho bà S để lo cho gia đình. Nay bà S yêu cầu xin ly hôn với ông, ông đồng ý với điều kiện bà S phải đưa cho ông số tiền 15.000.000 đồng.

Về con chung: Ông Lê Văn N xác định không có.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông có bán bò đưa tiền cho bà S 45.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông có vay tiền mua bò của chị bà con là 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn N.

Ông Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Lê Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 24/12/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị S xin ly hôn với ông Lê Văn N là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà S thì mâu thuẫn giữa bà và ông N là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, ông N đam mê cờ bạc, không lo cho gia đình, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đồng thời, ông N cũng đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của bà S.

Ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để cung cấp chứng cứ và yêu cầu về tài sản chung và nợ chung nhưng không đến và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông N không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, bị đơn có kê khai tài sản chung nhưng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có, bị đơn có kê khai nợ chung nhưng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa nên ông N có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà Lê Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Lê Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 24/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị S và ông Lê Văn N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, bị đơn có kê khai tài sản chung nhưng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có, bị đơn có kê khai tài sản chung nhưng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu ông Lê Văn N có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lê Thị S phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0085441 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà